



Danh Sách Xét Đạt Tiêu Chuẩn
Học Kỳ 2 - Năm Học 08-09
Xét tốt nghiệp (K40M)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung 180
Điểm Trung Bình Tích Lũy 2.00

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	Ph	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTS	ĐT	Số hiệu bằng PT	VB	TCTG	TBTL	CCT	CCN	Xếp loại
1	40.0758.K40M	VŨ ĐĂNG AN	111104115		14/04/86	Bắc Ninh		09			180	2.21			TB Khá
2	40.0827.K40N	ĐỖ TIẾN CHÍNH	111104115		22/08/83	Vĩnh Phúc		09			180	2.44			TB Khá
3	40.0828.K40N	ĐOÀN VĂN CHUNG	111104115		19/08/85	Bắc Giang		09			180	2.29			TB Khá
4	40.0766.K40M	LÊ DUY ĐẶNG	111104115		20/06/84	Thái Nguyên		09			180	2.46			TB Khá
5	40.0836.K40N	NGUYỄN TRỌNG ĐỨC	111104115		22/02/86	Hải Dương		09			180	2.42			TB Khá
6	40.0699.K40L	NGUYỄN VĂN GIANG	111104115		16/08/85	Bắc Giang		08			180	2.19			Trung Bình
7	40.0837.K40N	NGUYỄN VĂN HÀ	111104115		07/02/86	Nam Định		09			180	2.48			TB Khá
8	40.0702.K40L	NGUYỄN THỊ HẢI	111104115	Nữ	17/02/86	Thái Nguyên		10			180	2.95			Khá
9	40.0703.K40L	TRẦN ĐỨC HIỀN	111104115		26/02/85	Hà Nam		09			180	2.39			TB Khá
10	40.0771.K40M	NGUYỄN TỬ HIỀN	111104115		17/07/86	Bắc Ninh		09			180	2.61			Khá
11	40.0770.K40M	LÊ VĂN HIẾU	111104115		02/05/83	Bắc Giang		08			180	2.19			Trung Bình
12	40.0840.K40N	NGUYỄN QUY HIẾU	111104115		03/12/86	Bắc Ninh		10			180	2.36			TB Khá
13	40.0777.K40M	VŨ DUY HÙNG	111104115		04/02/86	Thanh Hoá		06			180	2.33			TB Khá
14	40.0774.K40M	BÙI XUÂN HUY	111104115		06/11/86	Vĩnh Phúc		10			180	2.51			Khá
15	40.0845.K40N	TRẦN VINH HUY	111104115		09/05/86	Nam Định		09			180	2.34			TB Khá
16	40.0707.K40L	BÙI NGỌC HUYỀN	111104115		28/04/85	Thái Nguyên		11			180	2.62			Khá
17	40.0778.K40M	NGUYỄN KIỀU HƯNG	111104115		06/09/86	Hải Dương		09			180	2.08			Trung Bình
18	40.0847.K40N	NGUYỄN QUANG HƯNG	111104115		03/06/86	Phú Thọ		08			180	2.44			TB Khá
19	40.0781.K40M	NGUYỄN VĂN KHANH	111104115		15/07/86	Nam Định		09			180	2.70			Khá
20	40.0713.K40L	BÙI TUẤN LINH	111104115		25/02/87	Thái Nguyên		10			180	2.44			TB Khá
21	40.0854.K40N	NGÔ DUY NAM	111104115		14/01/86	Bắc Giang		09			180	2.31			TB Khá
22	40.0785.K40M	NGUYỄN BÁ NAM	111104115		02/05/85	Thái Nguyên		11			180	2.37			TB Khá
23	40.0786.K40M	NGUYỄN THÀNH NAM	111104115		10/09/85	Thái Nguyên		11			180	2.62			Khá

Danh Sách Xét Đạt Tiêu Chuẩn

Trang 2

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	Ph	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTS	ĐT	Số hiệu bằng PT	VB	TCTG	TBTL	CCT	CCN	Xếp loại
24	40.0788.K40M	TRẦN ĐẠI	NGHĨA		15/03/85	Vĩnh Phúc		09			180	2.46			TB Khá
25	40.0860.K40N	TRẦN VĂN	NGUYỄN		08/06/85	Thái Nguyên		09			180	2.63			Khá
26	40.0793.K40M	HÀ VĂN	PHÊ		30/03/85	Bắc Giang		08			180	2.79			Khá
27	40.0723.K40L	VŨ ĐÌNH	PHONG		22/08/85	Hải Dương		09			180	2.24			TB Khá
28	40.0724.K40L	PHÙNG VĂN	PHƯƠNG		06/05/86	Vĩnh Phúc		09			180	2.10			Trung Bình
29	40.0794.K40M	TRẦN VĂN	QUANG		20/10/85	Bắc Giang		06			180	2.13			Trung Bình
30	40.0725.K40L	NGUYỄN ĐÌNH	QUÂN		26/12/84	Bắc Giang		08			180	2.09			Trung Bình
31	40.0863.K40N	NGUYỄN MẠNH	QUÂN		10/11/86	Phú Thọ		06			180	2.12			Trung Bình
32	40.0800.K40M	BÙI XUÂN	TÁ		02/07/85	Phú Thọ		08			180	2.24			TB Khá
33	40.0867.K40N	PHẠM VĂN	TÀI		08/04/84	Ninh Bình		09			180	2.21			TB Khá
34	40.0869.K40N	NGUYỄN CHÍ	TÂM		26/02/85	Hà Nội		09			180	2.57			Khá
35	40.0801.K40M	NGUYỄN VĂN	TÂN		10/08/85	Hải Dương		09			180	2.54			Khá
36	40.0804.K40M	TRỊNH VĂN	THÀNH		08/08/86	Thanh Hoá		09			180	2.53			Khá
37	40.0807.K40M	ĐẶNG VĂN	THẾ		18/01/86	Bắc Giang		09			180	2.50			Khá
38	40.0809.K40M	NGUYỄN TRỌNG	THỌ		29/05/85	Nam Định		09			180	2.43			TB Khá
39	40.0738.K40L	ĐÀO VĂN	THƯỜNG		24/07/85	Hưng Yên		09			180	2.38			TB Khá
40	40.0741.K40L	ĐỖ NGỌC	TOẠI		14/08/85	Nam Định		09			180	2.13			Trung Bình
41	40.0812.K40M	LÊ AN	TOÀN		09/02/85	Hà Tĩnh		06			180	2.12			Trung Bình
42	40.0815.K40M	LÃ ĐÌNH	TRÌNH		16/10/84	Ninh Bình		06			180	2.10			Trung Bình
43	40.0749.K40L	ĐỖ QUỐC	TUÂN		05/01/87	Thái Nguyên		08			180	2.54			Khá
44	40.0818.K40M	NGHIÊM ĐÌNH	TUÂN		12/04/85	Bắc Ninh		09			180	2.47			TB Khá
45	40.0819.K40M	NGUYỄN ANH	TUẤN		15/06/86	Thái Nguyên		08			180	2.30			TB Khá
46	40.0885.K40N	NGUYỄN VĂN	TÙNG		25/06/85	Thanh Hoá		09			180	2.56			Khá
47	40.0754.K40L	PHẠM VĂN	TỬ		01/03/86	Nam Định		06			180	2.55			Khá
48	40.0753.K40L	NGUYỄN KHẮC	TƯỚI		31/08/86	Bắc Ninh		09			180	2.45			TB Khá
49	40.0756.K40L	VŨ ĐỨC	VƯƠNG		29/12/86	Thái Nguyên		08			180	2.76			Khá

NGƯỜI LẬP

Ngày 21 tháng 06 năm 2009
PHÒNG ĐÀO TẠO